

BIÊN BẢN GIAO NHẬN THIẾT BỊ

Tp.HCM, ngày tháng năm 2024

BÊN GIAO:

- | | |
|------------|--------------------------|
| 1. TBYT Q7 | Đại diện: Trần Trọng Tấn |
| 2. | Đại diện: |

BÊN NHẬN:

- | | |
|------------|---------------------------|
| 1. CDHA Q7 | Đại diện: Nguyễn Văn Phúc |
| 2. | Đại diện: |

NỘI DUNG

Số HĐ: 146/2023/HĐMB/TAHCM-VT

STT	Tên thiết bị	ĐVT	Số lượng	S/N
1	BƠM TIÊM ĐIỆN DÙNG CHO HỆ THỐNG CHỤP CẮT LỚP VI TÍNH CAO CẤP <i>(các phụ kiện bổ trợ cho máy theo hợp đồng số 146/2023/HĐMB/TAHCM-VT)</i> Model/Ký mã hiệu: Medrad Stellant D-CE Hãng sản xuất: BAYER MEDICAL CARE B.V Nước sản xuất: Mỹ Năm SX: 2023 Cấu hình chung: Phần đầu bơm hai nòng dạng chân đế có bánh xe và phụ kiện – 01 hệ thống Chân đế có bánh xe: 01 bộ Dây nguồn: 02 cái Màn hình điều khiển, POD: 01 bộ Phần điều nhiệt: 02 bộ Sách hướng dẫn sử dụng, Tiếng Anh: 01 bộ Sách hướng dẫn sử dụng, Tiếng Việt: 01 bộ Phần mềm trộn thuốc (Dualflow): trộn đồng thời thuốc cản quang và nước muối: 01 bộ Cáp kết nối đồng bộ giao tiếp máy CT GE - ISI900G: 01 bộ	Máy	01	312137

<p>05 Bộ bơm tiêm cân quang 200mL, ống nạp nhanh</p> <p>05 Bộ dây nối chữ Y áp lực thấp</p> <p>Thông số kỹ thuật</p> <p>1. Yêu cầu về mục đích sử dụng:</p> <p>Bơm thuốc cân quang qua đường tĩnh mạch trong chụp cắt lớp vi tính CT</p> <p>2. Yêu cầu về cấu tạo, điều khiển, hiển thị:</p> <p>Chân đế:</p> <p>Chiều cao có chân đế: 150.5cm</p> <p>Diện tích sàn: 83.8cm x 71.8cm</p> <p>Bánh xe: 5 bánh xe, có khóa</p> <p>Kích thước (Cao x Rộng x Sâu): 15.5cm x 30.7cm x 36.8cm</p> <p>Trọng lượng: 8.1kg.</p> <p>Bộ nguồn:</p> <p>Kích thước (Cao x Rộng x Sâu): 28.6 cm x 27.9cm x 22.9cm</p> <p>Trọng lượng: 6,2kg</p> <p>Màn hình điều khiển:</p> <p>Kích thước (Cao x Rộng x Sâu): 32.28cm x 39.58cm x 26.67cm</p> <p>Trọng lượng: 8.0kg</p> <p>Nguồn điện</p> <p>Điện nguồn: 100 – 240 VAC, 50/60 Hz</p> <p>Công suất: 300 VA</p> <p>Đặc tính chung</p> <p>Bơm tiêm loại 2 nòng (cho thuốc và nước muối)</p> <p>Thiết kế lắp ống tiêm vào không cần xoay</p> <p>Tự động đẩy piston lên khi lắp ống vào</p> <p>Nạp và môi tự động</p> <p>Piston tự động rút về vị trí ban đầu khi tháo ống tiêm ra</p> <p>3. Yêu cầu về các phương pháp, cơ chế hoạt động:</p> <p>Cài đặt tốc độ tiêm: 0.1 đến 10ml/giây, bước cài đặt</p>			
---	--	--	--

<p>0.1ml/giây</p> <p>Độ chính xác tốc độ tiêm: +/- 5%</p> <p>Thể tích ống tiêm: 200ml</p> <p>Cài đặt thể tích tiêm: 1 đến 200ml, bước cài đặt 1ml</p> <p>Độ chính xác thể tích tiêm: +/- 2%</p> <p>Áp lực tối đa: 325 PSI</p> <p>Lựa chọn áp lực cài đặt gồm 8 mức: 50, 100, 150, 200, 225, 250, 300, 325 PSI</p> <p>Thời gian trễ giữa các pha tiêm tự động: 1 đến 900 giây, mức tăng cài đặt 1 giây</p> <p>Thời gian trễ giữa các pha tiêm bằng tay: 1200 giây (20 phút)</p> <p>Thời gian trễ trước tiêm và sau tiêm: 300 giây, mức tăng cài đặt 1 giây</p> <p>Thời gian tiêm tối thiểu: 0 - 999s</p> <p>Số pha lập trình tiêm: Tối đa 6 pha</p> <p>Bộ nhớ chế độ tiêm: 250 chương trình</p> <p>Bộ giữ ấm ổn định nhiệt độ tại 35°C +/- 5 °C</p> <p>Theo dõi áp lực tiêm và pha tiêm theo thời gian thực</p> <p>Ống tiêm được thiết kế có ký hiệu nhận biết:</p> <ul style="list-style-type: none"> + Nhận biết ống rỗng: ký hiệu nhận biết có hình dạng ovan + Nhận biết ống chứa đầy dung dịch: ký hiệu nhận biết có hình dạng tròn <p>4. Yêu cầu về các chức năng an toàn, cảnh báo an toàn</p> <p>Chức năng cảnh báo an toàn điện</p> <p>Tiêu chuẩn an toàn điện: IEC 60601-1</p> <p>Lớp an toàn: Lớp 2 loại BF</p> <p>Chuẩn kháng chống thấm nước: IPX1</p> <p>Hoạt động trong môi trường điện từ: Tương thích chuẩn an toàn IEC60601-1-2</p> <p>Chức năng cảnh báo an toàn</p> <p>Báo động lỗi vượt tốc độ tiêm cài đặt</p>			
---	--	--	--

	<p>Báo động lỗi vượt thể tích tiêm</p> <p>Báo lỗi không phát hiện ống tiêm chứa thuốc</p> <p>Báo lỗi không phát hiện ống tiêm chứa nước muối</p> <p>5. Yêu cầu phần mềm ứng dụng, phần mềm điều khiển</p> <p>Phần mềm trộn thuốc: trộn và tiêm đồng thời thuốc cản quang và nước muối hỗ trợ trong kỹ thuật chụp nâng cao Tim, Mạch vành</p> <p>6. Yêu cầu kết nối</p> <p>Cổng mạng</p> <p>Cổng USB</p> <p>Kết nối máy bơm và hệ thống CT theo chuẩn IS</p>			
2	<p>Hệ thống bơm tiêm thuốc đối quang từ MRI (các phụ kiện bổ trợ cho máy theo hợp đồng số 146/2023/HĐMB/TAHCM-VT)</p> <p>Model: SPECTRIS SOLARIS EP</p> <p>Hãng sản xuất: BAYER MEDICAL CARE INC.</p> <p>Nước sản xuất: Mỹ</p> <p>Năm SX: 2023</p> <p>Cấu hình chung</p> <ol style="list-style-type: none"> 1. Phần đầu bơm hai nòng và phụ kiện: 01 hệ thống 2. Bộ pin, ICBC: 01 bộ 3. Dây nguồn: 02 bộ 4. Tấm kim loại cố định panel ICBC: 01 bộ 5. Công tắc tay: 01 bộ 6. Sách hướng dẫn sử dụng – bảo dưỡng tiếng Anh: 01 bộ 7. Sách hướng dẫn sử dụng – bảo dưỡng tiếng Việt: 01 bộ 8. 05 bộ 2 ống tiêm 65ml/115ml 9. 05 bộ dây nối chữ T áp lực thấp, dài 150cm <p>Thông số kĩ thuật</p> <p>1. Yêu cầu về mục đích sử dụng: Bơm thuốc đối quang từ qua đường tĩnh mạch trong chụp cộng hưởng từ MRI</p> <p>2. Yêu cầu về cấu tạo, điều khiển, hiển thị: Kích thước vật lý Hệ thống bơm:</p>	Máy	01	312244

<p>Kích thước (Cao x Rộng x Sâu): 6.35cm x 36.32 cm x17.02cm</p> <p>Bộ nguồn:</p> <p>Kích thước (Cao x Rộng x Sâu): 6.35cm x 36.32 cm x17.02cm</p> <p>Màn hình điều khiển:</p> <p>Kích thước (Rộng x Cao x Sâu): 30.46 cm x 23.5 cm x 6.03 cm</p> <p>Trọng lượng: 6.8 kg</p> <p>Nguồn điện</p> <p>Điện nguồn: 100 – 240 VAC, 50/60 Hz</p> <p>Công suất: 350 VA</p> <p>Sử dụng nguồn pin:</p> <p>+ Dung lượng pin khi sạc đầy: khoảng 4-6 lần tiêm, hoặc 5 giờ ở trạng thái chờ</p> <p>+ Thời gian sạc: 5 giờ</p> <p>Đặc tính chung</p> <p>Khả năng đáp ứng trong môi trường cộng hưởng từ (MRI): Tối đa 3.0 Tesla</p> <p>Bơm tiêm loại 2 nòng (cho thuốc cản từ và nước muối)</p> <p>Thiết kế lắp ống vào phải xoay</p> <p>Đẩy piston lên vào ống bằng tay</p> <p>Nạp và môi bằng tay</p> <p>Đầu bơm được gắn trên xe đẩy có bánh xe di chuyển và khóa bánh xe</p> <p>Màn hình điều khiển cảm ứng</p> <p>3. Yêu cầu về các phương pháp, cơ chế hoạt động:</p> <p>Tốc độ bơm cài đặt:</p> <p>+ Từ 0.01 đến 10mL/ giây</p> <p>+ Bước tăng: 0.01mL/ giây trong khoảng 0.01 đến 3.1mL/ giây.</p> <p>+ Bước tăng: 0.1mL/ giây trong khoảng 3.1 đến 10mL/ giây</p> <p>Chức năng giữ Ven:</p> <p>+ Thể tích tiêm: 0.25ml/lần</p> <p>+ Thời gian chờ sau mỗi lần tiêm (cài đặt): 15 giây, 20 giây, 30 giây, 45 giây, 60 giây, 75 giây</p> <p>Thể tích ống tiêm cản từ: 65 ml</p> <p>Dải thể tích tiêm thuốc cản từ cài đặt:</p> <p>+ Thể tích nạp: 0.5 - 65 mL</p> <p>+ Bước tăng 0.1 mL trong khoảng 0.5 đến 31 mL</p> <p>+ Bước tăng 1 mL trong khoảng 31 mL đến 65 mL</p> <p>Thể tích ống tiêm nước muối: 115 ml</p>			
--	--	--	--

<p>Dải thể tích tiêm ống nước muối: 1 - 115 mL, bước tăng 1 mL</p> <p>Áp lực an toàn tối đa: 325 PSI</p> <p>Thiết lập giới hạn áp lực an toàn (PSI): 6 mức với 100, 150, 200, 250, 300, 325 PSI</p> <p>Thời gian trễ giữa các pha tiêm: 1 đến 900 giây, mức tăng cài đặt 1 giây</p> <p>Thời gian trễ tiêm hoặc trễ quét: 1 đến 300 giây, bước cài đặt 1 giây</p> <p>Thời gian tạm dừng tiêm: 1200 giây (20 phút)</p> <p>Bộ nhớ lưu trữ chương trình: 32 chương trình</p> <p>Tối đa 6 pha mỗi chương trình</p> <p>Lưu và hiển thị lại chương trình đã tiêm: Tối đa 20 chương trình tiêm như tốc độ, thể tích, áp lực tiêm</p> <p>Ống tiêm được thiết kế có ký hiệu nhận biết:</p> <ul style="list-style-type: none"> + Nhận biết ống rỗng: ký hiệu nhận biết có hình dạng ovan + Nhận biết ống chứa đầy dung dịch: ký hiệu nhận biết có hình dạng tròn <p>4. Yêu cầu về các chức năng an toàn, cảnh báo an toàn</p> <p>Tiêu chuẩn an toàn điện: EN 60601-1</p> <p>Lớp an toàn: Lớp 1, loại BF</p> <p>Chuẩn kháng chống thấm nước: IPX1</p> <p>Hoạt động trong môi trường điện từ: Tương thích chuẩn an toàn IEC60601-1-2</p>			
--	--	--	--

ĐƠN VỊ GIAO


Trần Trọng Tấn

ĐƠN VỊ NHẬN


BS. CKII. Nguyễn Văn Phú